

Bản án số: 95/2021/HS-PT  
Ngày: 25-01-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Tự

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Thanh Liêm  
Ông Mai Xuân Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Liên, Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Viết Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 258/2020/TLPT-HS ngày 27 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo Nguyễn Hữu K, Phạm Hữu B về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu K và của các bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2020/HSST ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

**- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo: Nguyễn Hữu K;** sinh năm 1983 tại Bình Định; nơi cư trú: huyện H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Nhân viên phòng giao dịch Chi nhánh Ngân hàng X (X) tại thị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đ và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị Kim T và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 14/3/2019; có mặt tại phiên tòa.

**- Bị cáo bị kháng cáo: Phạm H B;** sinh năm 1989 tại Bình Định; nơi cư trú: tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Nhân viên Văn phòng Đăng ký đất đai huyện A, tỉnh Bình Định; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm H S và bà Nguyễn Thị Bích V; có vợ là Nguyễn Thị L, chưa có con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu K (theo yêu cầu của Tòa án): Ông Nguyễn Thế V - Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định (có mặt).*

***- Bị hại có kháng cáo:***

1. Huỳnh H N, sinh năm 1962; trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định (có mặt).
2. Đặng Thị Yến L, sinh năm 1978; tTrú tại: Khối 4, thị trấn B, huyện Hoài H, tỉnh Bình Định (có mặt).
3. Phan Thị Ngọc A, sinh năm 1978; trú tại: huyện H, tỉnh Bình Định (có mặt).
4. Lưu Thị L1, sinh năm 1962; trú tại: thị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định (có mặt).
5. Võ Thị Thùy T, sinh năm 1981; trú tại: H, Bình Định (vắng mặt).
6. Nguyễn Minh T1, sinh năm 1982; trú tại: H, Bình Định (có mặt).
7. Nguyễn Thị B, sinh năm 1973; trú tại: H, Bình Định (vắng mặt).
8. Châu Thị Mỹ H, sinh năm 1982; trú tại: huyện H, tỉnh Bình Định (hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Định, (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Châu Thị Mỹ H: Bà Hứa Thị T N, Luật sư của Văn phòng Luật sư N & Cộng sự - Chi nhánh Gia Lai, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).*

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1983; trú tại: H, Bình Định (vắng mặt).
  2. Phạm Quang H, sinh năm 1989; trú tại: A, Bình Định (vắng mặt).
  3. Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1996; trú tại: A, Bình Định (vắng mặt).
  4. Lê Minh L, sinh năm 1987; trú tại: A, Bình Định (vắng mặt).
  5. Phạm Việt C, sinh năm 1980; trú tại: A, Bình Định (vắng mặt).
  6. Trần Thị Bích P, sinh năm 1993; trú tại: A, Bình Định (vắng mặt).
  7. Phạm Minh T, sinh năm 1990; trú tại: A, Bình Định (vắng mặt).
  8. Phan Thanh V, sinh năm 1981; trú tại: A, Bình Định (vắng mặt).
  9. Nguyễn H H, sinh năm 1954 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
  10. Phạm Thị A, sinh năm 1954 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- Cùng trú tại: H, Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

### **1.1. Hành vi của Nguyễn Hữu K lừa đảo chiếm đoạt tài sản:**

Năm 2017, Nguyễn Hữu K là nhân viên Phòng giao dịch Chi nhánh Ngân hàng X (X) thuộc thị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định. Trong thời gian này, K có ý định kinh doanh bất động sản và khảo giá đất tại các xã, thị trấn B, huyện H.

Khi mới bắt đầu kinh doanh, K không có vốn nên phải vay nóng nhiều người với việc trả lãi suất cao để mua 11 lô đất vườn và nhà ở trên địa bàn huyện H. Thực tế, việc kinh doanh này không có hiệu quả dẫn đến thua lỗ, nhưng để duy trì hoạt động kinh doanh này, K lợi dụng mình công tác tại Phòng giao dịch ngân hàng X Chi nhánh B nên K nói dối với những người cho vay nóng là “*K đang làm thêm dịch vụ đảo hạn ngân hàng cho khách hàng*” và “*mua bán bất động sản*” nên hỏi vay tiền của các anh chị: Huỳnh H N, Cao Duy C, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị P, Võ Thị Thùy T, Nguyễn Thị P, Đặng Thị Yên L, Nguyễn Thị Thanh D, Đào Minh K, Trần Thanh B, Phạm Thị Ngọc A, Nguyễn Minh T1, Lê Thị A, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị C, Trương Công B, Châu Thị Mỹ H với lãi suất từ 5.000 đồng đến 8.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tức là từ 15-24%/tháng).

Để vay được tiền, K lên mạng Internet tìm kiếm trên Zalo, Facebook thấy có thông tin của Phạm H B (là nhân viên hợp đồng của Văn Phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc huyện A) có nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả (sau đây viết tắt là GCNQSD đất), nên K liên hệ và đặt vấn đề với Phạm H B làm GCNQSD đất giả thì được B đồng ý. Sau đó, K tiến hành chụp lại các thông tin, dữ liệu từ sổ đỏ nhà đất thật cung cấp qua mạng cho Phạm H B để B tự ý lấy phôi GCNQSD đất thật cung cấp cho một người có tên là A1 (không rõ họ tên, địa chỉ) là bạn cùng ở khu nhà trọ với B trực tiếp làm GCNQSD đất giả rồi gửi qua đường bưu điện cho B để B bán lại cho Nguyễn Hữu K với giá 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/01 giấy. Như vậy, K đã đặt làm 14 GCNQSD đất giả và chỉ trả cho Phạm H B với số tiền 220.000.000 đồng. Sau khi có được GCNQSD đất giả, K sử dụng để cầm cố, thế chấp cho những người nêu trên vay tổng số tiền 38.970.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền vay, K sử dụng không đúng mục đích mà dùng để trả nợ gốc, lãi cho những người vay trước, nhưng hiện nay không nhớ đã trả cho ai và chỉ trả lãi, gốc cho những người nêu trên số tiền 5.988.474.589 đồng, còn lại 32.981.525.411 đồng K chiếm đoạt. Cụ thể, K đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của các bị hại như sau:

#### **(1) Chiếm đoạt của bị hại Huỳnh H N 995.760.000 đồng:**

Tháng 2/2017, ông Huỳnh H N có quan hệ vay vốn tại Phòng giao dịch Chi nhánh ngân hàng X B có quen biết với Nguyễn Hữu K. Lợi dụng mối quan hệ này, từ ngày 19/6/2018 đến ngày 02/10/2018, K nói dối “*cần tiền làm đảo nợ vay ngân hàng cho người khác*” nên hỏi vay tiền của ông N nhiều lần với số tiền 2.870.000.000 đồng, lãi suất 9%/tháng, thời hạn 03 ngày sẽ trả gốc và lãi. Khi vay tiền, K có viết giấy vay tiền và có thế chấp 02 GCNQSD đất giả nhưng đứng tên Nguyễn Hữu K đưa cho ông N. Khi nhận được tiền vay, K đã trả gốc cho ông N số tiền 1.370.000.000 đồng, trả lãi 504.240.000 đồng, còn lại chiếm đoạt của ông

N 995.760.000 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 19/06/2018, K vay của ông N 1.050.000.000 đồng. Khi vay tiền, K có thể chấp GCNQSD đất giả đứng tên Nguyễn Hữu K và có viết giấy vay tiền, nhưng chưa trả lãi và gốc vay cho ông N.

- Lần 2: Ngày 14/07/2018, K vay của ông N số tiền 1.220.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền và có thể chấp GCNQSD đất giả đứng tên Nguyễn Hữu K. Khi nhận được tiền vay, K chỉ trả cho ông N số tiền gốc cho khoản vay lần 1, lần 2 là 1.370.000.000 đồng, còn lại số tiền 900.000.000 đồng K không trả cho ông N.

- Lần 3: Ngày 07/09/2018, K vay của ông N số tiền 300.000.000 đồng. Khi vay tiền, K có viết giấy vay đưa cho ông N nhưng sau khi nhận tiền vay, K chưa trả gốc và lãi cho ông N, chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng.

- Lần 4: Ngày 30/09/2018, K hỏi vay của ông N số tiền 300.000.000 đồng mục đích để đáo hạn ngân hàng. Khi nhận được tiền vay, K đã trả lãi cho ông N cho khoản vay lần 3, lần 4 số tiền 504.240.000 đồng, còn lại chiếm đoạt của ông N số tiền 9.576.000 đồng.

Ngày 02/10/2018, ông N phát hiện 02 GCNQSD đất mà Nguyễn Hữu K thế chấp là giả nên ông N yêu cầu Nguyễn Thị Kim T (vợ K) cùng với K ký xác nhận vào giấy vay tiền. Cơ quan điều tra đã tạm giữ 02 GCNQSD đất số CT429785 và CE048717 đứng tên Nguyễn Hữu K.

**(2) Chiếm đoạt của bị hại Võ Thị Thùy T 456.000.000 đồng:**

Đầu năm 2017, thông qua các khách hàng của K nên chị T biết được đang huy động vốn làm đáo nợ vay cho các khách hàng và kinh doanh bất động sản. Năm 2017, K liên lạc với chị T hỏi vay tiền với mục đích đáo hạn ngân hàng, lãi suất 0,1%/ngày nên chị T đã cho K vay số tiền 150.000.000 đồng và có thể chấp sổ đỏ; khoản vay này K đã trả gốc và lãi cho chị T với số tiền 750.000.000 đồng nên chị T trả lại giấy vay và sổ đỏ cho K.

Đến tháng 12/2017, K tiếp tục hỏi chị T là “Cần tiền mua đất” nên chị T tin tưởng mà cho K vay số tiền 600.000.000 đồng, có yêu cầu K viết giấy vay tiền nhưng đã làm mất và có thể chấp 01 sổ đỏ nhà đất giả số sê ri CĐ 353048 đứng tên chủ sở hữu Nguyễn Hữu K. Khi nhận được tiền vay, K chỉ trả lãi được 144.000.000 đồng, còn chiếm đoạt của chị T 456.000.000 đồng. Việc thế chấp sổ đỏ giả chị T đã nhờ chị Nguyễn Thị Thanh H (là chị chồng T) nộp cho Cơ quan điều tra.

**(3) Chiếm đoạt của bị hại Đặng Thị Yến L 2.690.000.000 đồng:**

Chị Đặng Thị Yến L và Nguyễn Thị Kim T (vợ K) cùng làm việc tại Hợp tác xã vận tải H. Lợi dụng mối quan hệ quen biết này, từ ngày 27/4/2018 đến ngày 03/10/2018, K nói dối với chị L là “Cần tiền đáo nợ ngân hàng và kinh doanh bất động sản” (mua đất vườn chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở bán kiếm lời) để vay tiền của chị L 03 lần với số tiền 2.800.000.000 đồng, lãi suất 10,5%/tháng và có viết giấy vay tiền, có thể chấp 02 GCNQSD đất giả cho chị L. Khi nhận

được tiền vay, K chỉ trả lãi cho chị L với số tiền 110.000.000 đồng, còn lại chiếm đoạt 2.690.000.000 đồng để sử dụng trả nợ cho chị Châu Thị Mỹ H, Nguyễn Thị L, Lê Thị A. Cụ thể:

- Ngày 27/4/2018, K vay của chị L 02 lần số tiền 1.000.000.000 đồng với lãi suất 10.5%/tháng. Khi vay, chị L yêu cầu K viết giấy mượn tiền và bảo K khi mua đất phải đưa sổ đỏ thế chấp để làm tin. Sau khi nhận tiền vay, chị L đòi nhiều lần nhưng K không trả nên yêu cầu Nguyễn Thị Kim T (vợ K) cùng ký tên vào giấy mượn tiền, đến nay K chiếm đoạt không trả nợ cho chị Đặng Thị Yến L.

- Ngày 03/10/2018, K hỏi chị L vay 02 lần số tiền 1.200.000.000 đồng, lãi suất 10,5%/tháng và cũng nói dối "*cần tiền mua đất*" nên chị L tin tưởng cho K vay và chị L cũng nói với K "*khi mua được đất phải đưa sổ đỏ thế chấp để làm tin*" nên K đã lấy 01 GCNQSD đất giả số sê ri CI 429784 thế chấp cho chị L. K viết lại giấy mượn tiền, ký tên thể hiện nội dung "*Ngày 03/10/2018, K có mượn của chị L số tiền 1.200.000.000đ*". Khi nhận được tiền vay, K chiếm đoạt không trả nợ cho chị Đặng Thị Yến L.

- Ngày 3/10/2018, K hỏi vay của chị L số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất 10,5%/tháng và cũng nói dối "*cần tiền mua đất*" làm cho chị L tin tưởng mà cho K vay tiền. Khi vay, chị L có yêu cầu K viết giấy mượn tiền thể hiện nội dung "*Ngày 03/10/2018, K có mượn của chị L số tiền 600.000.000đ, có thể chấp 01 sổ đỏ số sê ri CI 429841*". Khi nhận được tiền vay, K sử dụng trả nợ cho chị H 362.000.000 đồng, trả cho chị Nguyễn Thị L, Lê Thị A mỗi người 100.000.000 đồng. K đã trả tiền lãi vay cho chị L 110.000.000 đồng; còn lại 490.000.000 đồng K chiếm đoạt không trả mà bỏ vào Thành phố Hồ Chí Minh trốn tránh.

Ngày 10/10/2018, chị L gặp vợ chồng K tại Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu K đến Văn phòng công chứng Tô Khắc Việt ở quận Tân B làm hợp đồng ủy quyền cho chị L được bán 02 lô đất mà K đã thế chấp cho chị để vay tiền.

Ngày 11/11/2018, vợ chồng K đã ký Hợp đồng ủy quyền cho chị L bán 02 lô đất theo 02 sổ đỏ nhà đất giả mạo nêu trên có chứng thực của Công chứng viên Lâm Nguyễn Nguyên H thuộc Văn phòng công chứng T quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi công chứng thì anh H không biết đó là 02 sổ đỏ giả, 02 sổ đỏ nhà đất này chị L đem nộp cho cơ quan điều tra.

#### **(4) Chiếm đoạt của bị hại Phan Thị Ngọc A 2.980.000.000 đồng:**

Chị A là khách hàng vay tiền tại ngân hàng X Chi nhánh B nên biết K là nhân viên tín dụng của ngân hàng và trực tiếp giải quyết hồ sơ vay của chị A nên quen biết nhau. Do áp lực phải trả nợ vay nóng cho người khác nên lợi dụng mối quan hệ này, từ ngày 10/08/2018 đến ngày 08/9/2018 K nói dối với chị A là "*cần tiền làm đảo nợ vay ngân hàng cho người khác*" để vay của chị A số tiền 3.500.000.000 đồng, khi vay tiền K có viết giấy vay tiền với lãi suất 12%/tháng. Khi nhận được tiền vay, K sử dụng trả nợ gốc cho chị A với số tiền 500.000.000 đồng, trả lãi 20.000.000 đồng, còn lại K chiếm đoạt của chị A 2.980.000.000 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 10/08/2018, K hỏi vay của chị A số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 12%/tháng. Khi nhận được tiền vay, K chỉ trả được cho chị A 20.000.000 đồng tiền lãi và 500.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 480.000.000 đồng K chiếm đoạt không trả.

- Lần 2: Ngày 14/08/2018, K vay của chị A số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn 05 ngày, lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/ngày (tức 12%/tháng). Khi nhận tiền vay, K sử dụng trả nợ cá nhân và chưa trả gốc, lãi cho chị A mà chiếm đoạt 600.000.000 đồng.

- Lần 3: Ngày 05/09/2018, K nói dối “*cần tiền làm đảo nợ vay ngân hàng cho người khác*” hỏi vay chị A 300.000.000 đồng, thời hạn 05 ngày, lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/ngày (tức 12%/tháng). Do có sự tin tưởng nên K hẹn sẽ viết giấy mượn tiền đưa cho chị A sau, nhưng khi nhận được tiền vay K chiếm đoạt không trả nợ gốc và lãi cho chị A.

- Lần 4: Ngày 08/09/2018, K nói dối “*cần tiền làm đảo nợ vay ngân hàng cho người khác*” vay của chị A 1.600.000.000 đồng, thời hạn 05 ngày, lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/ngày (tức 12%/tháng). Sau khi chị A giao tiền cho K, K sử dụng để trả nợ cho người khác, chiếm đoạt của chị A số tiền 1.600.000.000 đồng.

**(5) Chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Minh T1 496.800.000 đồng:**

Nguyễn Minh T1 làm dịch vụ cho vay đảo hạn nên quen biết với Nguyễn Hữu K. Do áp lực phải trả nợ vay nóng cho người khác và lợi dụng mối quan hệ này, ngày 20/8/2018 K nói dối “*cần tiền làm đảo nợ vay ngân hàng cho người khác*” để hỏi vay của chị T1 500.000.000 đồng với lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/ngày (tức 12%/tháng). Khi vay, chị T1 có yêu cầu K viết giấy mượn tiền, khoản vay này K đã trả đầy đủ cho chị T1.

Tiếp đến ngày 28/08/2018, K gọi điện thoại cho chị T1 cũng nói dối là “*cần tiền làm đảo nợ vay ngân hàng cho người khác*” hỏi vay của chị T1 700.000.000 đồng, thời hạn 05 ngày, lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/ngày (tức 12%/tháng). Lúc này, chị T1 hẹn K ra nhà nhận tiền và viết giấy thể hiện nội dung: “*Hôm nay ngày 28/8/2018, Nguyễn Hữu K có mượn của chị T1 số tiền 700.000.000đ*”. Khi nhận được tiền vay, K chỉ trả được cho chị T1 150.00.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 53.200.000 đồng, còn lại K chiếm đoạt của chị T1 496.800.000 đồng.

**(6) Chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị B 295.000.000 đồng:**

Do từ trước K đã nhiều lần vay mượn của chị Nguyễn Thị B và trả lãi gốc đầy đủ làm cho chị B tin tưởng. Đến năm 2018, K nói dối với chị B là “*cần 300.000.000đ để làm đảo nợ vay ngân hàng cho người khác*” thời hạn khoảng 2 đến 3 ngày sau sẽ trả nên chị B tin tưởng mà cho K vay số tiền 300.000.000 đồng nhưng không yêu cầu viết giấy. Khi đến hạn trả tiền, K hứa sẽ bán đất trả cho chị B. Đến ngày 22/9/2018, chị B yêu cầu thì K mới viết giấy mượn tiền, ký tên với nội dung “*Ngày 22/9/2018, tôi Nguyễn Hữu K có mượn của cô B số tiền 300.000.000đ*”. Từ ngày vay tiền, K chỉ trả được 5.000.000 đồng, còn lại K chiếm đoạt của chị B 295.000.000 đồng.

**(7) Chiếm đoạt của bị hại Lưu Thị L1 2.566.000.000 đồng:**

Năm 2017, chị L1 quen biết với K là cán bộ tín dụng làm tại Phòng giao dịch ngân hàng X Chi nhánh B nên từ tháng 6/2017 đến tháng 9/2017, K nói dối với chị L1 là “*cần tiền mua đất và đảo hạn ngân hàng, chị có tiền không cho em vay vài ngày sẽ trả, lãi suất là 6%/tháng, thời hạn trả nợ 03 ngày*” làm cho chị L1 tin tưởng, cho K vay nhiều lần với số tiền 3.610.000.000 đồng. Khi vay, K có viết giấy vay tiền và thế chấp 01 sổ đỏ đứng tên Nguyễn H H (cha vợ K) để làm tin, các giấy mượn tiền trước đó K lấy lại hủy bỏ. Sau khi nhận được tiền vay, K chỉ trả lãi cho chị L1 với tổng số tiền 1.044.000.000 đồng, còn lại chiếm đoạt của chị L1 2.566.000.000 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Tháng 5/2017, K vay của chị L1 300.000.000 đồng có viết “Giấy mượn tiền” đưa cho chị L1 giữ. Khoản vay này K đã trả lãi cho chị L1 36.000.000 đồng, chiếm đoạt 264.000.000 đồng.

- Lần 2: Tháng 7/2017, K vay của chị L1 400.000.000 đồng có viết “Giấy mượn tiền” đưa cho chị L1 giữ. Khoản vay này K đã trả lãi cho chị L1 84.000.000 đồng, chiếm đoạt 316.000.000 đồng.

- Lần 3: Tháng 9/2017, K vay của chị L1 300.000.000 đồng có viết “Giấy mượn tiền” đưa cho chị L1 giữ. Khoản vay này K đã trả lãi cho chị L1 180.000.000 đồng, chiếm đoạt 120.000.000 đồng.

- Lần 4: Tháng 11/2017, K vay của chị L1 500.000.000 đồng có viết “Giấy mượn tiền” đưa cho chị L1 giữ. Khoản vay này K đã trả lãi cho chị L1 180.000.000 đồng, chiếm đoạt 320.000.000 đồng.

- Lần 5: Tháng 2/2018, K vay của chị L1 600.000.000 đồng có viết “Giấy mượn tiền” đưa cho chị L1 giữ. Khoản vay này K trả lãi cho chị L1 252.000.000 đồng, chiếm đoạt 348.000.000 đồng.

- Lần 6: Tháng 4/2018, K vay của chị L1 500.000.000 đồng có viết “Giấy mượn tiền” đưa cho chị L1 giữ. Khoản vay này K đã trả lãi cho chị L1 312.000.000 đồng, chiếm đoạt 188.000.000 đồng.

- Lần 7: Tháng 6/2018, K vay của chị L1 410.000.000 đồng có viết “Giấy mượn tiền” đưa cho chị L1 giữ. Khoản vay này K chiếm đoạt không trả gốc, lãi cho chị L1.

- Lần 8: Tháng 10/2018, K vay của chị L1 600.000.000 đồng có viết “Giấy mượn tiền” đưa cho chị L1 giữ. Khoản vay này K chiếm đoạt không trả gốc, lãi cho chị L1.

**(8) Chiếm đoạt của bị hại Châu Thị Mỹ H 5.400.000.000 đồng:**

Chị H và K là bạn bè quen biết nhau. Lợi dụng mối quan hệ này và do áp lực phải trả nợ vay nóng cho người khác, K đã nói dối với chị H “*cần vốn làm đảo hạn ngân hàng*” và hỏi vay tiền của chị H nhiều lần với lãi suất 6.000đ/1.000.000đ/ngày (tức 18%/tháng). Các lần đầu K trả nợ đầy đủ, đúng hạn để tạo niềm tin. Từ ngày 13/4/2017 đến ngày 22/9/2017, K hỏi vay của chị H

nhều lần với tổng số tiền 5.400.000.000 đồng, chị H có yêu cầu K viết giấy mượn tiền, lãi suất 18%/tháng. Sau khi nhận được tiền vay, K chưa trả gốc và lãi cho chị H mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 13/04/2017, K vay của chị H 300.000.000 đồng, thời hạn 05 ngày, K viết giấy mượn tiền đưa cho chị H giữ thể hiện nội dung: *“Hôm nay ngày 25/05/2017, tôi Nguyễn Hữu K có mượn của chị Châu Thị Mỹ H số tiền 300.000.000đ”* và đưa giấy mượn tiền cho chị H cất giữ. Quá trình chị H cất giữ giấy vay tiền đã viết thêm số “3” đứng trước số “300.000.000đ” và viết bằng chữ là “Ba tỉ” trước “ba trăm nghìn đồng”. Do vậy, không thể chấp nhận giấy vay tiền này là hợp pháp mà chấp nhận lời khai của Nguyễn Hữu K đã vay của chị H số tiền 300.000.000 đồng, chứ không phải 3.300.000.000 đồng.

Ngày 25/10/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Định đã tiến hành giám định và kết luận: Chữ viết số “3” liền sau chữ “Số tiền là” và chữ viết “Ba tỉ” liền sau “Bằng chữ” trên trên giấy mượn tiền đề ngày 13/4/2017 với chữ viết của Nguyễn Hữu K trên 03 Bản tự khai ngày 15/02/2019 và 19/02/2019 là không do một người viết ra. Chữ viết số “3” liền sau chữ “số tiền” và chữ viết “Ba tỉ” liền sau “Bằng chữ” trên giấy mượn tiền với chữ viết của Châu Thị Mỹ H không có chữ cùng dạng nên khước từ giám định.

- Lần 2: Ngày 27/05/2017, K vay của chị H 300.000.000 đồng, thời hạn 05 ngày, có viết giấy mượn tiền đưa cho chị H giữ thể hiện nội dung: *“Hôm nay ngày 25/05/2017, tôi Nguyễn Hữu K có mượn của chị Châu Thị Mỹ H số tiền 300.000.000đ”*. Sau khi nhận tiền, K sử dụng trả nợ cho người khác, chưa trả tiền gốc và lãi của khoản vay này cho chị H.

- Lần 3: Ngày 05/06/2017, K vay của chị H 500.000.000 đồng, thời hạn 05 ngày và có viết giấy mượn tiền với nội dung: *“Hôm nay ngày 05/06/2017, tôi Nguyễn Hữu K có mượn của chị Châu Thị Mỹ H số tiền 500.000.000đ”* đưa cho chị H giữ. Sau khi nhận tiền vay, K sử dụng trả nợ cho người khác, chưa trả tiền gốc và lãi của khoản vay này cho chị H.

- Lần 4: Ngày 10/06/2017, K vay của chị H 550.000.000 đồng, thời hạn 05 ngày và có viết giấy mượn tiền với nội dung: *“Hôm nay ngày 10/06/2017, tôi Nguyễn Hữu K có mượn của chị Châu Thị Mỹ H số tiền 550.000.000đ”* đưa cho chị H giữ. Sau khi nhận tiền vay, K sử dụng trả nợ cho người khác, chưa trả tiền gốc và lãi của khoản vay này cho chị H.

- Lần 5: Ngày 15/06/2017, K vay của chị H 500.000.000 đồng, thời hạn 07 ngày và đánh máy giấy mượn tiền ký đưa cho chị H giữ thể hiện nội dung: *“Hôm nay ngày 15/06/2017, tôi Nguyễn Hữu K có mượn của chị Châu Thị Mỹ H số tiền 500.000.000đ, thời hạn 7 ngày”*. Sau khi nhận tiền vay, K sử dụng trả nợ cho người khác, chưa trả tiền gốc và lãi của khoản vay này cho chị H.

- Lần 6: Ngày 20/06/2017, K vay của chị H 500.000.000 đồng, thời hạn 05 ngày và đánh máy giấy mượn tiền ký đưa cho chị H giữ thể hiện nội dung: *“Hôm nay ngày 20/06/2017, tôi Nguyễn Hữu K có mượn của chị Châu Thị Mỹ H số tiền*



500.000.000đ thời hạn 05 ngày”. Sau khi nhận tiền vay, K sử dụng trả nợ cho người khác, chưa trả tiền gốc và lãi của khoản vay này cho chị H.

- Lần 7: Ngày 27/06/2017, K vay của chị H 600.000.000 đồng, thời hạn 05 ngày và viết giấy mượn tiền đưa cho bà H giữ thể hiện nội dung: “*Hôm nay ngày 27/06/2017, tôi Nguyễn Hữu K có mượn của chị Châu Thị Mỹ H số tiền 600.000.000đ*”. Sau khi nhận tiền vay, K sử dụng trả nợ cho người khác, chưa trả tiền gốc và lãi của khoản vay này cho chị H.

- Lần 8: Ngày 11/07/2017, K vay của chị H 550.000.000 đồng, thời hạn 03 ngày và đánh máy giấy mượn tiền đưa cho bà H giữ thể hiện nội dung: “*Hôm nay ngày 11/07/2017, tôi Nguyễn Hữu K có mượn của chị Châu Thị Mỹ H số tiền 550.000.000đ thời hạn 03 ngày*”. Sau khi nhận tiền vay, K sử dụng trả nợ cho người khác, chưa trả tiền gốc và lãi của khoản vay này cho chị H.

- Lần 9: Ngày 02/08/2017, K vay của chị H 800.000.000 đồng, thời hạn 05 ngày và viết giấy mượn tiền đưa cho bà H giữ thể hiện nội dung: “*Hôm nay ngày 02/08/2017, tôi Nguyễn Hữu K có mượn của chị Châu Thị Mỹ H số tiền 800.000.000đ*”. Sau khi nhận tiền vay, K sử dụng trả nợ cho người khác, chưa trả tiền gốc và lãi của khoản vay này cho chị H.

- Lần 10: Ngày 22/09/2017, K vay của chị H 800.000.000 đồng, thời hạn 05 ngày, K viết giấy mượn tiền đưa cho bà H giữ thể hiện nội dung: “*Hôm nay ngày 11/07/2017, tôi Nguyễn Hữu K có mượn của chị Châu Thị Mỹ H số tiền 800.000.000đ*”. Sau khi nhận tiền vay, K sử dụng trả nợ cho người khác, chưa trả tiền gốc và lãi của khoản vay này cho chị H.

Các khoản vay này, K cho rằng đã trả đủ gốc, lãi cho chị H nhưng không có chứng từ gì để thể hiện việc trả nợ cho chị H. Do vậy, buộc Nguyễn Hữu K đã chiếm đoạt số tiền 5.400.000.000 đồng của chị H.

Ngoài ra, chị H còn tố cáo K lừa đảo chiếm đoạt của chị số tiền 9.945.000.000 đồng không trả, nhưng không có căn cứ gì thể hiện việc K vay mượn tiền của chị Châu Thị Mỹ H. Cụ thể:

Chị H khai từ ngày 15/3/2018 đến 03/9/2018 đã cho K vay 21 đến 25 lần, bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản của K mở tại ngân hàng X -PGD B nhưng không yêu cầu K viết giấy mượn tiền, với tổng số tiền 9.945.000.000 đồng K chiếm đoạt không trả. K xác định: Việc vay mượn tiền phát sinh bởi “giấy vay, mượn tiền”, còn phương thức thanh toán có thể chuyển khoản hoặc giao nhận bằng tiền mặt, các khoản giao dịch tiền qua tài khoản của K do chị H cung cấp là phương thức thanh toán do hai bên vay mượn qua lại lẫn nhau đã được tắt toán. Giấy mượn tiền hai bên đã thu hồi và tự hủy nên không còn nợ gì nhau nữa. Việc khai nại này của chị Châu Thị H là không có căn cứ để xem xét.

**Ngoài hành vi chiếm đoạt tiền của 08 người bị hại có kháng cáo nêu trên,** cũng với các phương thức, thủ đoạn tương tự, trong khoảng thời gian từ tháng 7/2016 đến tháng 10/2018 Nguyễn Hữu K còn vay nhiều lần của 12 bị hại (gồm: Nguyễn Cao C, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Thanh

D, Đào Minh K, Trần Thanh B, Lê Thị A, Nguyễn Thị T, Võ Văn S, Nguyễn Thị C và Nguyễn Thị Thu H) tổng số tiền 19.190.000.000 đồng. K đã trả cho những người này 1.050.000.000 đồng tiền gốc và 1.038.000.000 đồng (làm tròn) tiền lãi; còn lại K chiếm đoạt 17.102.000.000 đồng (làm tròn).

**2. Hành vi của Phạm H B làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất giả bán cho Nguyễn Hữu K sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác.**

Từ năm 2007 đến năm 2015, Phạm H B là sinh viên học Cao Đẳng và Đại học liên thông ngành xây dựng tại trường Cao Đẳng Thành phố Hồ Chí Minh có quen biết với người có tên A1 (không rõ họ tên địa chỉ) ở cùng khu nhà trọ với B. Trong quá trình biết nhau, A1 nói với B: *“muốn có tiền sử dụng thì đưa số điện thoại của B, để A1 quảng cáo nhận làm giấy tờ giả (bằng cấp, sổ đỏ nhà, đất...) trên mạng xã hội Facebook, Zalo, Email... nếu có ai đặt hàng thì nhận lời và chuyển thông tin cho A1 để A1 làm, rồi gửi lại cho B để hưởng hoa hồng”*. Nghe vậy, Phạm H B đồng ý và đưa số điện thoại 0983.547.887 cho A1 quảng cáo trên mạng Internet.

Tháng 4/2017, Phạm H B về nhà và làm nhân viên Hợp đồng tại Văn phòng Đăng ký đất đai huyện A. Trong thời gian này, Nguyễn Hữu K lên mạng xã hội Facebook, Zalo, Email thì thấy có thông tin số điện thoại 0983.547.887 nên gọi và đặt B làm GCNQSD đất giả với giá 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/01 giấy thì được B đồng ý. Sau đó, B gọi điện thoại cho A1 làm giả với giá 7.000.000 đồng/01 giấy thì được A1 đồng ý (Mọi thông tin, như địa chỉ lô đất, sơ đồ thửa đất, sổ giấy chứng minh nhân dân, tên người sử dụng do K lên mạng xã hội nhắn tin cho B để làm, chứ chưa bao giờ gặp mặt và cũng không biết K sử dụng để làm gì). Phạm H B cung cấp 03 số tài khoản, gồm 01 số tài khoản của B và mượn số tài khoản Phạm Quang H (anh ruột B), số tài khoản của Nguyễn Thị Kiều L (là bạn đồng nghiệp với B) cung cấp cho K để K chuyển trả tiền làm GCNQSD đất.

Sau khi thống nhất, từ ngày 19/9/2017 đến ngày 05/4/2018 Nguyễn Hữu K đã đặt Phạm H B làm giả 14 GCNQSD đất và đã chuyển qua số tài khoản do B cung cấp với số tiền 220.000.000 đồng. Để có các phôi GCNQSD đất thì B tự ý lấy 12 phôi GCNQSD thật rồi gửi qua đường Bưu điện theo địa chỉ do A1 cung cấp. Sau khi làm xong, A1 gửi theo địa chỉ do B cung cấp cho K nhận và B đã rút tiền chuyển qua số tài khoản do A1 cung cấp như tài khoản của anh Trần Lê Trang Lộc mở tại Ngân hàng A chi nhánh X, TP Hồ Chí Minh; số tài khoản của Nguyễn Thị Việt N mở tại Ngân hàng A chi nhánh Gia Định; số tài khoản của La Thị H với tổng số tiền 86.000.000 đồng, còn 134.000.000 đồng B hưởng lợi. Cụ thể như sau:

**Lần 1:** Từ ngày 19/9/2017 đến ngày 05/10/2017, K gọi điện thoại đặt B làm 02 sổ đỏ nhà, đất giả và cung cấp thông tin cho B để làm giấy chứng nhận và chuyển cho B qua số tài khoản của Phạm Quang H mở tại Chi nhánh NH NNo&PTNT huyện A với số tiền 30.000.000 đồng. Trên cơ sở đó, B chuyển

thông tin cho A1 làm với giá 7.000.000 đồng/02 sổ, thành tiền là 14.000.000 đồng. Lúc này, B chuyển trả tiền A1 qua số tài khoản do A1 cung cấp là 14.000.000 đồng/02 giấy, B hưởng lợi 16.000.000 đồng. Sau khi làm xong, A1 gửi 02 GCNQSD đất theo địa chỉ do B cung cấp cho K nhận. Sau khi nhận 02 sổ đỏ này, K sử dụng thể chấp cho chị Lưu Thị L1 (là bị hại trong vụ án) vay tiền. Sau đó, K vay tiền của người khác trả cho chị L1 và lấy lại sổ đỏ nhà đất giả về hủy (đốt).

**Lần 2:** Cũng với cách thức như trên, từ ngày 09/11/2017 đến ngày 21/01/2018, K đặt B làm 03 sổ đỏ nhà, đất giả thì được B đồng ý. Khi đó, K chuyển tiền qua số tài khoản của B và Phạm Quang H (anh ruột B) với số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó, B tự ý lấy 02 phôi GCNQSD đất thật gửi cho A1 qua đường xe khách vào Thành phố Hồ Chí Minh và B đã chuyển trả tiền công cho A1 20.000.000 đồng/03 sổ theo số tài khoản của A1 cung cấp, B hưởng lợi 30.000.000 đồng. Sau khi làm xong, A1 bỏ vào phong bì, gửi xe khách theo địa chỉ do B cung cấp để K nhận. Nhận xong, K sử dụng 01 sổ thể chấp cho chị Đặng Thị Yến L (là bị hại trong vụ án) để vay tiền; thể chấp cho chị Huỳnh Thị T (ở thôn Đệ Đức 3 xã Hoài Tân); thể chấp cho chị Nguyễn Thị Thanh D để vay tiền. Sau đó, K vay tiền của người khác trả nợ cho chị Huỳnh Thị T rồi lấy sổ về nhà tiêu hủy, còn 01 GCNQSD đất giả đã thể chấp cho chị Nguyễn Thị Thanh D, K đến nhà chị D nói dối xin nhận lại sổ để thể chấp ngân hàng vay tiền trả cho chị D nhưng đem về nhà tiêu hủy.

**Lần 3:** Từ ngày 14/12/2017 đến ngày 18/12/2017, K gọi điện thoại và đặt B làm 03 sổ đỏ nhà, đất giả thì được B đồng ý và chuyển trả tiền vào tài khoản của B là 45.000.000 đồng/03 giấy. Lúc này, B đã lấy 03 phôi trắng GCNQSD đất thật tại Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ huyện A bỏ vào phong bì gửi vào Thành phố Hồ Chí Minh cho A1 theo xe khách, đồng thời chuyển thông tin do K cung cấp để A1 làm giả. Sau khi làm xong, B đã chuyển trả cho A1 qua số tài khoản của A1 cung cấp với số tiền 15.000.000 đồng, đồng thời gửi GCNQSD đất theo địa chỉ cho K, B hưởng lợi 30.000.000 đồng. Khi nhận được GCNQSD đất, K đã thể chấp cho ông Huỳnh H N 02 sổ và thể chấp cho chị Đặng Thị Yến L (là bị hại trong vụ án) để vay tiền rồi chiếm đoạt.

**Lần 4:** Ngày 14/01/2018, K gọi điện thoại đặt B làm 03 sổ đỏ nhà, đất giả dựa trên thông tin sổ đỏ nhà, đất thật do K cung cấp thì được B đồng ý. Sau đó, B đã tự ý lấy 03 phôi trắng GCNQSD đất thật tại Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ huyện A bỏ trong phong bì gửi vào Thành phố Hồ Chí Minh cho A1 làm giả và chuyển thông tin do K cung cấp cho A1 biết. Khi làm xong, K chuyển trả tiền cho B qua số tài khoản của Phạm Quang H với số tiền là 50.000.000 đồng/03 giấy. Đồng thời, B cũng rút tiền nộp vào tài khoản do A1 cung cấp với số tiền 20.000.000 đồng, B hưởng lợi 30.000.000 đồng. Khi nhận được 03 sổ đỏ nhà đất giả, K sử dụng 02 sổ thể chấp cho chị Nguyễn Thị P (là bị hại trong vụ án) và 01 sổ thể chấp cho chị Võ Thị Thùy T (là bị hại trong vụ án).

**Lần 5:** Ngày 05/4/2018, K đặt B làm 03 sổ đỏ nhà, đất giả thì B đồng ý. Sau

đó, K cung cấp thông tin, sơ đồ thửa đất, địa chỉ, số CMND cho B và đồng thời chuyển số tiền 45.000.000 đồng qua số tài khoản của Phạm Quang H (anh ruột B) và tài khoản của Nguyễn Thị Kiều L (làm cùng cơ quan với B do B mượn). Sau đó, B lấy 03 phôi GCNQSD đất thật tại Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ huyện A bỏ vào phong bì gửi xe khách vào Thành phố Hồ Chí Minh cho A1. Sau khi làm xong, A1 gửi theo địa chỉ do B cung cấp và đồng thời yêu cầu B rút tiền chuyển trả cho A1 theo số tài khoản của A1 cung cấp với số tiền 17.000.000 đồng, B hưởng lợi 28.000.000 đồng. Khi K nhận được 03 GCNQSD đất giả thì K sử dụng 03 giấy thế chấp cho bà Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị T (là bị hại trong vụ án) để vay tiền rồi chiếm đoạt.

Ngày 26/7/2019, Phạm H B đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Định tự thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đã nộp khắc phục toàn bộ số tiền thu lợi bất chính 220.000.000 đồng. Qua kiểm tra 10 sổ đỏ nhà đất giả mà K thế chấp vay tiền của các bị hại đã nộp cho Cơ quan điều tra, xác định: 10 sổ đỏ nhà đất giả này được làm từ 10 phôi GCNQSD đất do B lấy tại Văn phòng Đăng ký đất đai huyện A; trong đó, 01 phôi do nhân viên Phạm Minh T quản lý (số sê ri CE 048717), 02 phôi do nhân viên Lê Minh L quản lý (số sê ri CI 429841, CI 429846), 04 phôi do nhân viên Phạm Việt C quản lý (số sê ri CI 429721, CI 429745, CI 429784, CI 429786), 02 phôi do nhân viên Trần Thị Bích P quản lý (số sê ri CĐ 353048, CI 429572), 01 phôi do bị can Phạm H B quản lý (số sê ri CI 429197). 10 GCNQSD đất giả này K đặt cho B làm dựa trên sổ đỏ nhà đất thật do K giao dịch mua bán và sổ đỏ nhà đất của người khác nhờ K giới thiệu người mua, K lấy cắp thông tin. Cụ thể:

- Ngày 03/5/2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Định đã giám định và kết luận 05 phôi GCNQSD đất số CE048717, CI429784, CI429786, CI429841, CI429846 do Nguyễn Hữu K đứng tên chủ sở hữu với mẫu dấu tròn trên biên bản thu giữ mẫu con dấu ngày 10/4/2019 là không do cùng một con dấu đóng ra.

- Ngày 29/10/2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Định đã giám định và kết luận 05 phôi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CĐ353048, CI429745, CI429197, CI429572, CI429721 do Nguyễn Hữu K đứng tên sử dụng với chữ ký trên mẫu so sánh của ông Nguyễn Hiến - Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định là không do cùng một người ký ra.

**2. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2020/HSST ngày 08 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu K phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; bị cáo Phạm H B phạm tội: “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

- C cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c, g khoản 1 Điều 52 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu K 17 (mười bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- C cứ vào điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu K 3 (ba) năm tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

C cứ vào Điều 55 BLHS. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, buộc bị cáo **Nguyễn Hữu K** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 14/3/2019.

- C cứ vào điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c, g khoản 1 Điều 52; Điều 54 BLHS. Xử phạt bị cáo **Phạm H B** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

**Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 463, Điều 466 BLDS.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hữu K phải có trách nhiệm trả cho những người bị hại như sau:

1. Võ Thị Thùy T: 456.000.000 đồng
2. Nguyễn Minh T1: 496.800.000 đồng
3. Nguyễn Thị B: 295.000.000 đồng
4. Châu Thị Mỹ H: 5.400.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hữu K và chị Nguyễn Thị Kim T phải có trách nhiệm liên đới trả cho những người bị hại như sau:

1. Huỳnh H N: 995.760.000 đồng.

Chia phần: Bị cáo Nguyễn Hữu K phải trả: 497.880.000 đồng; chị Nguyễn Thị Kim T phải trả: 497.880.000 đồng.

2. Đặng Thị Yến L: 2.690.000.000 đồng.

Chia phần: Bị cáo Nguyễn Hữu K phải trả: 1.345.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Kim T phải trả: 1.345.000.000 đồng

3. Phan Thị Ngọc A: 2.980.000.000 đồng.

Chia phần: Bị cáo Nguyễn Hữu K phải trả: 1.490.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Kim T phải trả: 1.490.000.000 đồng.

4. Nguyễn Thị L1: 2.566.000.000 đồng.

Chia phần: Bị cáo Nguyễn Hữu K phải trả: 1.283.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Kim T phải trả: 1.283.000.000 đồng.

**Về xử lý vật chứng:** Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS. Trả cho ông Nguyễn H H và bà Phạm Thị A 01 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số seri BA 449391 mang tên Nguyễn

H H, Phạm Thị A (*Theo biên bản giao nhận tang vật, tài sản ngày 02/12/2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên buộc bị cáo Nguyễn Hữu K phải có trách nhiệm trả số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại: Cao Duy C, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Thanh D, Đào Minh K, Trần Thanh B, Lê Thị A, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị T, Võ Văn S, Nguyễn Thị C; bị cáo Nguyễn Hữu K và chị Nguyễn Thị Kim T phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền mà K đã chiếm đoạt tiền cho bị hại Nguyễn Thị L; xử lý vật chứng tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 220.000.000 đồng do bị cáo Phạm H B đã nộp khắc phục hậu quả; nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự; phổ biến quyền kháng cáo và thủ tục thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

### **3. Kháng cáo:**

Ngày 19/6/2020, bị cáo Nguyễn Hữu K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Từ ngày 19/6/2020 đến ngày 22/6/2020:

- Bị hại Đặng Thị Yên L, Phan Thị Ngọc A kháng cáo yêu cầu: Tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu K, Phạm H B; trả hồ sơ điều tra làm rõ hành vi của vợ chồng bị cáo K và Nguyễn Thị Kim T tránh bỏ lọt tội; làm rõ 11 lô đất vợ chồng bị cáo K đã bán cho ai, bán thời điểm nào và 32 tỷ đồng bị cáo K đã chiếm đoạt hiện nay ai cất giữ.

- Bị hại Châu Thị Mỹ H kháng cáo yêu cầu bổ sung khoản vay qua chuyển khoản 4.945.000.000 đồng là số tiền bị cáo K đã chiếm đoạt.

- Bị hại Lưu Thị L1 kháng cáo yêu cầu: Xem xét lại bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với hai bị cáo K và B; vai trò của bà Nguyễn Thị Kim T trong việc ký nhận nợ; yêu cầu làm rõ việc ông H giao sổ cho bị cáo K và phần xử lý vật chứng đã tuyên trả lại sổ đỏ cho ông Nguyễn H H.

- Bị hại Huỳnh H N kháng cáo yêu cầu bị cáo Nguyễn Hữu K phải có trách nhiệm trả lại số tiền đã chiếm đoạt 995.000.000 đồng; làm rõ số tiền bị cáo K đã chiếm đoạt của bị hại, 11 lô đất hiện đang ở đâu; tăng hình phạt đối với hai bị cáo K và B; trách nhiệm của chị Nguyễn Thị Kim T ký giấy nợ tiền nhưng không bị xử lý.

Ngày 08/7/2020, các bị hại Nguyễn Thị B, Võ Thị Thùy T, Nguyễn Minh T1 kháng cáo cùng nội dung: Yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu K và Phạm H B; điều tra làm rõ số tiền 32 tỷ hiện nay ai đang cất giữ và 11 lô đất K bán cho ai, vào thời điểm nào.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bị cáo và các đương sự giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu K cho rằng kháng cáo của các bị

hại yêu cầu tăng hình phạt là không phù hợp vì bản án sơ thẩm đã tuyên mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo đã nộp thêm số tiền bồi thường thiệt hại là 30.000.000đ, đây là tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị hại Châu Thị Mỹ H cho rằng các tài liệu sao kê tài khoản thể hiện có việc bị hại chuyển, nộp tiền vào tài khoản của Nguyễn Hữu K với mục đích cho vay. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bổ sung số tiền chiếm đoạt 4.945.000.000 đồng là khoản vay qua chuyển khoản.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 02/2017 đến tháng 9/2018, Nguyễn Hữu K sử dụng thủ đoạn gian dối đã nói dối vay tiền của 20 người bị hại để vay đáo hạn ngân hàng cho khách hàng của K. Để tạo niềm tin cho những bị hại, K đã lên mạng Internet để đăng ký mua Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thông qua số điện thoại của Phạm H B rồi B tiếp nhận thông tin từ K để cung cấp cho A1 (không rõ lai lịch) để A1 làm giả. Giữa B và K thỏa thuận giá cả 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/1 giấy và K không nói cho B biết sử dụng giấy tờ giả vào mục đích gì. Sau khi làm xong 14 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thì A1 gửi cho K theo địa chỉ do Phạm H B cung cấp. Nguyễn Hữu K đã sử dụng 14 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này để thế chấp cho 20 bị hại vay với tổng số tiền 38.970.000.000 đồng đã trả lãi và gốc 5.988.474.589 đồng, còn chiếm đoạt 32.981.525.411 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại Nguyễn Thị Thu H và bị cáo Nguyễn Hữu K thỏa thuận số tiền chiếm đoạt là 975.000.000 đồng và bị cáo K đồng ý trả số tiền trên cho bà H (theo Cáo trạng là 902.690.411 đồng). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận trên của các bên và xác định tổng số tiền bị cáo K chiếm đoạt là 33.053.835.000 đồng.

[2] Hành vi của Nguyễn Hữu K đã phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội: “*Sử dụng con dấu tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự và hành vi của Phạm H B phạm vào tội: “*Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức*” quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự như bản án sơ thẩm đã qui kết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu K: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và 02 tình tiết tăng nặng là lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội; phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm c, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, và xử phạt bị cáo 20 năm tù đối với hai tội là đã thể hiện sự khoan

hồng của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo có nộp số tiền 30.000.000đ để khắc phục hậu quả nhưng xét số tiền quá nhỏ so với tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt nên không có cơ sở xét giảm hình phạt.

Xét kháng cáo của các bị hại:

[4] - Đối với bị hại Châu Thị Mỹ H:

Bị hại Châu Thị Mỹ H cho rằng bị cáo K đã chiếm đoạt của bà tổng số tiền 10.345.000.000 đồng; trong đó tiền vay qua chuyển khoản là 4.945.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo K không thừa nhận có khoản vay qua chuyển khoản 4.945.000.000 đồng; các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ không thể hiện K vay tiền của bà H qua hình thức chuyển khoản trên hệ thống ngân hàng. Việc vay mượn tiền có lập “giấy vay, mượn tiền” đối với 10 lần vay từ ngày 13/4/2017 đến ngày 22/9/2017 với số tiền 5.400.000.000 đồng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bị hại Châu Thị Mỹ H về khoản vay qua chuyển khoản là 4.945.000.000 đồng là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị hại Châu Thị Mỹ H và quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị hại.

[5] - Đối với bị hại Huỳnh H N:

Về kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo K, thấy rằng bị cáo Nguyễn Hữu K phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội: “*Sử dụng con dấu tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Sau khi xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 20 năm tù đối với hai tội là tương xứng với tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội; do đó, không cần thiết phải tăng hình phạt đối với bị cáo.

Về kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm H B: Tòa án cấp sơ thẩm xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục hậu quả 220.000.000 đồng; người phạm tội tự thú; gia đình bị cáo có ông nội, bà ngoại được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, hạng ba nên xử phạt bị cáo 02 năm tù là tương xứng với tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội; do đó, không cần thiết phải tăng hình phạt đối với bị cáo.

Về yêu cầu làm rõ số tiền bị cáo K đã chiếm đoạt của bị hại, 11 lô đất hiện đang ở đâu: Quá trình điều tra, không xác định được tài sản còn lại của bị cáo. Người bị hại có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án làm rõ nội dung này trong giai đoạn thi hành án.

Về trách nhiệm của Nguyễn Thị Kim T: Nguyễn Thị Kim T (vợ K) có hành vi ký xác nhận vào giấy mượn tiền của Huỳnh H N, Đặng Thị Yến L, Lưu Thị L1, Nguyễn Thị L, Phan Thị Ngọc A để K vay tiền, nhưng việc ký xác nhận này xảy ra sau khi K đã thực hiện việc nhận tiền mới viết lại giấy; đồng thời các bị hại yêu cầu Nguyễn Thị Kim T ký xác nhận mượn tiền cùng với K thì họ mới cho K kéo dài thời hạn trả nợ. Khi đó, K cũng nói dối với T “sẽ kiếm được tiền trả nợ cho họ” nên T tin tưởng mà ký vào giấy mượn tiền, chứ không tham gia vào việc lừa đảo của K. Ngoài ra, T còn tham gia ký cùng với K trong hợp đồng ủy quyền cho bị hại Đặng Thị Yến L được quyền bán, chuyển nhượng cho người khác 02 lô đất theo sổ đỏ nhà, đất giả K thế chấp vay tiền của bà L thì T không biết đó là sổ đỏ nhà, đất giả và K cũng không nói cho bà T “đó là sổ đỏ nhà, đất giả”. Cơ quan



điều tra xác định Nguyễn Thị Kim T không có dấu hiệu đồng phạm với Nguyễn Hữu K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có cơ sở.

Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại Huỳnh H N

[6] Kháng cáo của các bị hại Đặng Thị Yến L, Phan Thị Ngọc A, Lưu Thị L1, Nguyễn Thị B, Võ Thị Thùy T, Nguyễn Minh T1 có nội dung tương tự với kháng cáo của bị hại Huỳnh H N; như đã phân tích trên, cũng không có cơ sở chấp nhận.

[7] Bị cáo và bị hại có kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

C cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu K;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại Huỳnh H N, Châu Thị Mỹ H, Đặng Thị Yến L, Phan Thị Ngọc A, Lưu Thị L1, Nguyễn Thị B, Võ Thị Thùy T, Nguyễn Minh T1.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2020/HSST ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

**1.** Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hữu K** phạm các tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; bị cáo **Phạm H B** phạm tội: “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu K **17 (mười bảy)** năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu K **3 (ba)** năm tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự:

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Nguyễn Hữu K** chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **20 (hai mươi)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 14/3/2019.

- Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c, g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm H B 02 (hai)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

**2.** Án phí phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Hữu K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ.

- Các bị hại Huỳnh H N, Châu Thị Mỹ H, Đặng Thị Yến L, Phan Thị Ngọc A, Lưu Thị L1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Minh T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, mỗi người 300.000đ, đã nộp tại các biên lai số 0003850 ngày 10/7/2020, 0003848 ngày 09/7/2020 (Châu Thị Kim Nghĩa nộp thay Châu Thị Mỹ H), 0003849 ngày 09/7/2020 (Nguyễn Ngọc Tín nộp thay Đặng Thị Yến L), 0003845 ngày 07/7/2020, 0003854 ngày 15/7/2020 (Trương A Hậu nộp thay Lưu Thị L1), 0003855 ngày 16/7/2020, 0003852 ngày 14/7/2020 (Huỳnh Thị Thùy Trang nộp thay Nguyễn Minh T1) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

- Bị hại Võ Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ.

**3.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Bình Định;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Tự**